

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 05/08/2021 11:08:14

Trường: THCS NGUYỄN THỊ THẬP

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

STT	MSHS	Lớp	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn ngoại ngữ	Điểm trung bình lớp 9 môn Văn	Điểm trung bình lớp 9 môn Toán	Tổng điểm UTKK	Tổng điểm xét 3 NV thường
1	AL50W9	9A7	NGUYỄN HOÀNG ANH	31/08/2006	Hải Phòng	NỮ	AV	8.3	8.3	8	0	24.6
2	AL50WA	9A7	NGUYỄN NGỌC HOÀNG ANH	03/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	8.4	8.7	0	25.3
3	AL50WB	9A7	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	27/11/2006	An Giang	NỮ	AV	7.1	6.8	8.1	0	22
4	AL51H0	9A7	PHẠM MAI ANH	05/09/2006	Hà Nội	NỮ	AV	6.6	7	6.5	1	21.1
5	AL50W8	9A7	VÕ HOÀNG TRÂM ANH	27/03/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	7.4	7.6	0	22.2
6	AL50WD	9A7	LÊ TIÊU BĂNG	17/06/2006	Quảng Ngãi	NỮ	AV	8.4	7.8	6.1	0	22.3
7	AL50WE	9A7	NGUYỄN HỮU BĂNG	03/03/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	6.8	7.9	0	22.8
8	AL50WC	9A7	NGUYỄN TRƯỜNG BẢO	03/01/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	6	7.3	7.7	0	21
9	AL50TR	9A7	LÊ NGUYỄN BÌNH BẢO DANH	26/02/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	8.4	8.9	1	26.4
10	AL50WF	9A7	NGUYỄN HUỲNH CÔNG DANH	30/05/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.3	7.4	8.5	0	24.2
11	AL50WI	9A7	VÕ THÀNH ĐẠT	24/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	7.1	8	0	22.7
12	AL50WG	9A7	TRẦN THỊ MỸ DUNG	15/01/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.4	8.6	8.2	0	25.2
13	AL50WH	9A7	PHẠM VIỆT DUY	11/04/2006	Đà Nẵng	NAM	AV	8.1	7.9	9	0	25
14	AL50WK	9A7	HUỲNH XUÂN HÂN	13/03/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9	6.9	7.7	0	23.6
15	AL51GL	9A7	TRẦN GIA HÂN	05/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7	7	7.5	0	21.5
16	AL50WL	9A7	NGUYỄN CHÍ HIẾU	06/01/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	7.7	7.7	0	23
17	AL50WM	9A7	LÊ ĐỨC HUY	02/03/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	6.9	7.5	7.9	0	22.3
18	AL50WN	9A7	TẠ ĐỨC HUY	24/04/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.8	8	8.8	0	24.6
19	AL50WO	9A7	NGUYỄN THANH HUYỀN	24/07/2006	Hải Dương	NỮ	AV	8.6	8.7	8.2	0	25.5
20	AL50WQ	9A7	BÙI MẠNH KHANG	25/01/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.8	6.4	7.7	0	21.9
21	AL50WR	9A7	ĐÀO VĨNH KHANG	06/04/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.3	8.8	8.9	0	27

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYỆN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 05/08/2021 11:08:14

Trường: THCS NGUYỄN THỊ THẬP

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

22	AL50WS	9A7	PHẠM MINH KHIÊM	12/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8	6.5	8.2	0	22.7
23	AL50WP	9A7	TRẦN TỬ KIÊN	04/04/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	7.9	9.9	0	25.9
24	BL50HJ	9A7	ĐẶNG PHẠM KHÁNH LINH	05/05/2006	Hải Phòng	NỮ	AV	8.1	8	8.9	0	25
25	AL50WV	9A7	LÊ HUYỀN DIỆU LINH	11/08/2006	Cần Thơ	NỮ	AV	5.9	7.9	7.2	0	21
26	AL50WW	9A7	NGUYỄN HOÀNG HẢI LONG	20/03/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.3	7.1	7.3	0	21.7
27	AL50WX	9A7	NGUYỄN THỊ CẨM LY	09/07/2006	Bến Tre	NỮ	AV	9.7	8.9	8.9	0	27.5
28	AL50WY	9A7	NGÔ THỊ TRÚC MAI	20/01/2006	Hậu Giang	NỮ	AV	6.9	6.5	7.2	0	20.6
29	AL50X0	9A7	LÊ NGỌC MINH	16/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.5	9	8.7	0	27.2
30	AL50WZ	9A7	LIÊU ĐẮC MINH	20/11/2005	Hải Phòng	NAM	AV	6.4	5.9	5	1	18.3
31	AL50X1	9A7	NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH	06/01/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.9	7.5	8.6	0	24
32	AL50X2	9A7	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG NAM	15/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.6	6.9	8	0	22.5
33	AL50X3	9A7	NGUYỄN XUÂN HOÀNG NAM	01/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	7.1	6.5	7.8	0	21.4
34	AL50X4	9A7	TRỊNH KIM NGÂN	10/02/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.2	6.2	6.5	0	19.9
35	AL50X6	9A7	NGUYỄN TRẦN NHƯ NGỌC	16/06/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	7	6.9	0	22.2
36	AL50X7	9A7	TRẦN KHÁNH NGỌC	31/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.5	7.7	8.9	0	26.1
37	AL50X8	9A7	NGUYỄN THANH NHẬT	17/04/2006	Thừa Thiên Huế	NAM	AV	8.3	7.8	8.3	0	24.4
38	AL50XA	9A7	BÙI TÂN LÝ NHƯ	09/07/2006	Bến Tre	NỮ	AV	9.3	8.8	9	0	27.1
39	AL50X9	9A7	NGUYỄN BÍCH NHƯ	03/05/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.8	6.9	6	0	19.7
40	AL51GZ	9A7	HOÀNG KIM OANH	25/09/2006	Hà Giang	NỮ	AV	7.9	8.3	7.6	1	24.8
41	AL50XB	9A7	PHAN NGỌC QUANG	18/12/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	9.5	7.2	7.3	0	24
42	AL50XC	9A7	ZAH ROH	03/09/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6	6.4	6.4	0	18.8
43	AL50XD	9A7	NGUYỄN MẠNH TẤN	20/09/2006	Bình Định	NAM	AV	8.2	7.5	8.4	0	24.1
44	AL50PK	9A7	TRỊNH GIA THIÊN	12/07/2006	TP. Hồ Chí Minh	NAM	AV	8.1	7.3	8.2	0	23.6

BẢNG KIỂM DÒ ĐIỂM XÉT TUYỂN 3 NGUYÊN VỌNG THƯỜNG TUYỂN SINH 10 NĂM 2021

Ngày giờ in kiểm dò: 05/08/2021 11:08:14

Trường: THCS NGUYỄN THỊ THẬP

Công thức tính điểm xét tuyển 3 nguyện vọng thường: ĐTB lớp 9 môn ngoại ngữ + ĐTB lớp 9 môn Văn + ĐTB lớp 9 môn Toán + Điểm ưu tiên (nếu có)

45	AL50XF	9A7	LÊ HUỖNH ANH THƯ	02/10/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.4	8.4	9.3	0	27.1
46	AL510P	9A7	NGUYỄN THÁI THIÊN TRANG	12/08/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.6	9.1	8.2	0	25.9
47	AL50XE	9A7	TRỊNH ANH TUẤN	10/07/2006	Ninh Bình	NAM	AV	6.6	6.1	6.3	0	19
48	AL50XG	9A7	PHÙNG NGỌC MỸ UYÊN	21/03/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.4	8.1	8.2	1	25.7
49	AL50XH	9A7	NGUYỄN NGỌC CHIÊU VĂN	25/06/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.3	8.1	8.6	0	25
50	AL50XK	9A7	ĐẶNG TRẦN KHÁNH VY	18/11/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	7.9	7.5	8	0	23.4
51	AL50XL	9A7	HUỖNH THẢO MINH VY	17/02/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	8.2	7.6	7.2	0	23
52	AL50XJ	9A7	NGUYỄN NGỌC VY	01/06/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	9.4	7.9	8.6	0	25.9
53	AL50XI	9A7	NGUYỄN PHƯƠNG VY	14/09/2006	TP. Hồ Chí Minh	NỮ	AV	6.6	6.5	6.5	0	19.6
Tổng cộng có tất cả: 53 học sinh.												

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM / NGƯỜI RÀ SOÁT HỒ SƠ

HỌ TÊN NGƯỜI NHẬP LIỆU